

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 29 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và bà Trần Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn X, xã T, huyện S, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Ánh V, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Xuân Quý trình bày:

Ngày 20/01/2019, vợ chồng anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V đến gặp anh hỏi vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để tiêu dùng cá nhân, anh đồng ý và cho anh N, chị V vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Khi vay, giữa anh và vợ chồng anh N, chị V ký kết hợp đồng cho vay tiền thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 20/01/2019, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận ngoài là 2%/tháng (không ghi lãi trong hợp đồng). Đến hạn, anh nhiều lần yêu cầu anh N, chị V trả số tiền vay thì anh chị đều khất. Tính cho đến nay, anh N và chị V trả anh 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tiền lãi, tiền gốc anh chị không trả được đồng nào. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N, chị V trả anh số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không lãi suất.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V trình bày:

Anh chị thừa nhận như anh Vũ Xuân Q trình bày về số tiền vay, thời hạn vay, hai bên tự thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Nay anh chị xác định nợ Vũ Xuân Q số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Quá trình vay, tính đến nay anh chị đã trả anh Q khoảng 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền lãi, khi trả lãi do tin tưởng nên không làm giấy tờ, không người làm chứng. Còn tiền nợ gốc vẫn chưa thanh toán được đồng nào, hiện chưa có tiền trả ngay nên anh chị khát đến tháng 3/2024 anh chị sẽ trả anh Q toàn bộ số tiền đã vay 200.000.000đ, không lãi suất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V trả anh Vũ Xuân Q số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Xuân Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V trả anh số tiền vay là 200.000.000đ, không lãi suất; anh N và chị V có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh V. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ, tiến hành lấy lời khai anh N và chị V nhưng sau đó nhiều lần cả anh N và chị V không đến Tòa án làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa anh Vũ Xuân Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V trả số tiền vay là 200.000.000đ, không lãi suất. Anh N và chị V đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh chị thừa nhận có việc vay nợ như anh Q trình bày, tháng 3/2024 anh chị sẽ trả cho anh Q toàn bộ khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Có đủ cơ sở khẳng định, giữa anh Q và vợ chồng anh N, chị V có xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản nên phát sinh quyền và nghĩa vụ, anh N, chị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của anh Q là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với khoản lãi suất, theo anh Q thì kể từ khi vay đến nay, vợ chồng anh N, chị V đã trả 18.000.000đ. Còn theo anh N, chị V thì anh chị đã trả anh Q khoảng 70.000.000đ tiền lãi nhưng các đương sự không đưa ra được căn cứ chứng minh đã trả lãi, số tiền trả lãi. Hơn nữa việc trả lãi là do các bên thỏa

thuận, tự nguyện và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Vũ Xuân Q được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V phải nộp án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Vũ Xuân Q không phải nộp án phí, trả lại anh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Xuân Q. Buộc anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V phải trả anh Vũ Xuân Q số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không lãi suất.

2. Anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị Ánh V phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vũ Xuân Q không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, trả lại anh Q số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2017/0008215 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Song Lưu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Lưu